

Yếu tố đạo giáo trong lễ hội ông Bồn của người Hoa Phước Kiến ở thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Đặng Hoàng Lan^{*}, Dương Hoàng Hải Bình^{}**

Nhận ngày 11 tháng 4 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 26 tháng 6 năm 2024.

Tóm tắt: Người Hoa là một trong 54 tộc người ở Việt Nam, gồm nhiều nhóm phương ngữ khác nhau: Phúc Kiến, Quảng Đông, Triều Châu, Hải Nam và Hẹ. Người Hoa Phước Kiến đến định cư tại Bình Dương khá sớm, giữa thế kỷ 19, và đã thực hiện nhiều lễ hội đặc thù so với các vùng miền khác, trong đó có lễ hội ông Bồn. Các yếu tố Đạo giáo được thể hiện trong lễ hội Ông Bồn: (1) có sự xuất hiện của Đạo sĩ; (2) có hình ảnh Đạo sĩ cúng và cầu nguyện cho các lễ phẩm riêng của gia đình đem tới dâng, “sên phép” trừ tà trấn trạch và khai quang thần tượng; (3) có hiện tượng Đạo sĩ đứng ra khai mạc lễ hội Ông Bồn; (4) có hiện tượng liên hệ của các Đạo sĩ. Bài viết này¹ chúng tôi muốn nêu lên vấn đề trong tương lai, nếu tình trạng các mối liên hệ, cũng như tầm ảnh hưởng và vai trò của các Đạo sĩ không thay đổi, thì tầm ảnh hưởng, vai trò và giá trị Thiêng của Ông Bồn, cùng với đó là các “Xác Ông” sẽ giảm dần trong tâm thức cộng đồng.

Từ khóa: Lễ hội Ông Bồn, Đạo giáo, người Hoa Bình Dương.

Phân loại ngành: Nhân học

Abstract: The Hoa people are one of the 54 ethnic groups in Vietnam. This ethnic group consists of many different dialect groups: Guangdong (廣東), Teochew (潮州), Hainanese (海南), Hakka (客)², and Hokkien (福建). The Fujianese Chinese settled in Bình Dương quite early, around the 19th century, and have conducted many distinctive festivals compared to other regions, including the Ông Bồn festival. The Daoist elements are manifested in the Ông Bồn festival in several ways: (1) the presence of Daoist priests; (2) the imagery of Daoist priests performing rituals and prayers for the offerings brought by families, conducting rituals to ward off evil spirits and consecrating statues; (3) the phenomenon of Daoist priests inaugurating the Ông Bồn festival; (4) the interconnection of Daoist priests. Therefore, through this article, we aim to raise concerns about the future, wherein if the status of relationships and the influence and role of Daoist priests remain unchanged, the influence, role, and sacred value of Ông Bồn, along with the “Bodies of Ông” will gradually diminish in the community's consciousness.

Keywords: Ông Bồn festival, Taoist, the Hoa people in Bình Dương.

Subject classification: Anthropology

1. Đặt vấn đề

Theo tác giả Huỳnh Ngọc Đáng (Huỳnh Ngọc Đáng, 2010: 37), người Hoa đã đến khu vực ngày nay là tỉnh Bình Dương vào khoảng những năm 1840. Trong đó, nhóm người

^{*} Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo và Đạo đức, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Email: danghoanglan0708@hcmussh.edu.vn.

^{**} Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

¹ Nghiên cứu được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trong khuôn khổ Đề tài mã số C2023-18b-04.

² Also called Khách Gia (客家).

Hoa Phước Kiến, hầu hết từ huyện An Khê với truyền thống nghề gốm (nổi tiếng với gốm Đức Hóa) có thể đến tụ cư sớm nhất tại đây. Vì địa lí thổ nhưỡng khá phù hợp với việc triển khai nghề gốm: không chỉ sẵn có các mỏ đất sét trắng ở Lái Thiêu, An Thạnh, Bà Lụa... lại có nhiều sông ngòi kênh rạch, thuận tiện cho việc vận chuyển. Theo số liệu từ cuộc điều tra dân số cuối năm 2019, tổng số người Hoa ở Bình Dương là 17.993 người, là tộc người có dân số nhiều thứ 3 trong khu vực (sau người Kinh 2.306.193 người và Khmer 65.233 người). Tuy chỉ chiếm 0,74% tổng số cư dân (Tổng cục Thống kê, 2020: 16), nhưng người Hoa là thành phần dân tộc, dân cư có lịch sử hình thành phát triển cũng như những đóng góp không nhỏ vào bức tranh văn hóa - xã hội của khu vực. Hiện nay, người Hoa Phước Kiến có khoảng 3.000 hộ, là cộng đồng người Hoa đông nhất trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Họ di cư sang đây, đã đem theo *phong tục và tôn giáo, tín ngưỡng của họ đến cái độ chẳng cần phải tới tận Trung Hoa để nghiên cứu về người Hoa* (Nguyễn Nghi, 2007: 159). Như Vương Hồng Sển có nhận định: “Xét ra người Tàu thuở đầu qua đây, lúc ấy chưa có thuốc trị bệnh hiệu nghiệm như ngày nay, nên họ tin nhiều ở sự phù hộ của thần thánh” (Vương Hồng Sển, 1997: 201). Nên tất yếu là hàng loạt cơ sở thờ cúng của cộng đồng người Hoa Phước Kiến được thành lập, sớm nhất và tiêu biểu nhất là miếu Bà Thiên Hậu và hai miếu thờ Ông Bồn là Phước An Miếu và Phước Võ Điện, tương ứng với tín ngưỡng Ông Bồn của hai họ tộc lớn nhất trong cộng đồng người Phước Kiến bấy giờ là họ Vương và họ Lí.

Khi tiếp cận và nghiên cứu về tín ngưỡng Ông Bồn tại Bình Dương, chúng tôi nhận thấy bên cạnh những nét tương đồng trong cấu trúc lễ hội, phản ánh sự nhất quán trong niềm tin và tín ngưỡng, thì nét đặc sắc riêng là các yếu tố Đạo giáo rất đặc thù, nhất là vai trò của người thực hiện nghi lễ - Đạo sĩ. Vì thế thông qua bài viết này, chúng tôi muốn phân tích vai trò và tầm ảnh hưởng của vị Đạo sĩ trong đời sống cộng đồng người Hoa Phước Kiến trong địa bàn, từ đó góp phần vào những nghiên cứu văn hóa, đặc biệt là tôn giáo và tín ngưỡng của người Hoa tại Bình Dương.

2. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Trước khi thực hiện nghiên cứu này, chúng tôi đã có quá trình tiến hành khảo sát và nghiên cứu về tín ngưỡng và lễ hội ông Bồn tại một số điểm như: Thành phố Hồ Chí Minh, Trà Vinh, An Giang, Kiên Giang, từ đó có những kết quả sơ khởi, để có cái nhìn tổng quan và so sánh với tín ngưỡng và lễ hội ông Bồn tại Bình Dương.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi tiến hành điền dã tại địa bàn cụ thể vào tháng 9/2022, 2/2023, 9/2023 và 2/2024. Chúng tôi sử dụng phương pháp nghiên cứu đặc thù của ngành Nhân học là điền dã, quan sát tham dự, phỏng vấn sâu, trong đó cụ thể tiến hành phỏng vấn sâu mục đích tìm hiểu về nguồn gốc, biểu tượng và chức năng của Ông Bồn, tiến trình lễ hội, vai trò và chức năng của Đạo sĩ trong lễ hội ông Bồn. Đối tượng phỏng vấn: Các thành viên trong Ban trị sự Miếu, Đạo sĩ, Xác Ông, các chuyên gia nghiên cứu, người dân đến tham gia lễ hội... Địa điểm: tại Phước An miếu, Phước Điện Võ Miếu, Linh Không Đàn, Bích Liên Đình,... Chọn mẫu phi xác suất, phương pháp có chủ đích và thuận tiện. Kích thước mẫu: 30 cuộc tại 7 địa bàn trong 4 đợt khảo sát. Sau khi có kết quả thu về, chúng tôi dùng kết quả dữ liệu để phân tích và minh chứng cho những nhận định bằng hình thức trích dẫn nội dung phỏng vấn vào bài viết bên cạnh ý kiến, nhận định của chúng tôi để minh chứng cho vấn đề đang nghiên cứu.

3. Giới thiệu về Đạo giáo và tín ngưỡng Ông Bồn của người Hoa Phước Kiến ở Bình Dương

3.1. Vài nét về Đạo giáo

Đạo giáo vốn là một tôn giáo bản địa của Trung Quốc, với cột mốc là sự thành lập tổ chức Ngũ Đầu Mễ Đạo (năm 141) và Thái Bình Đạo (năm 184), trên cơ sở kết hợp các tín ngưỡng,

nghi lễ, ma thuật dân gian đã có từ trước... với các học thuyết thịnh hành phổ biến. Tuy nhiên, nhiều nhà nghiên cứu tán đồng quan điểm hiểu Đạo giáo theo nghĩa rộng, chính là hạt nhân của thiết chế văn hóa Trung Hoa, là hệ thống các giá trị thiêng của tâm thức văn hóa, được kế thừa, bảo tồn phát huy, cùng song hành với lịch sử Trung Quốc cho tới ngày nay, đến mức “gốc rễ của Trung Quốc hoàn toàn nằm ở Đạo giáo”³. Theo cách hiểu này, Đạo giáo chính là Tôn giáo Trung Quốc, và “lịch sử tôn giáo Trung Quốc là lịch sử phát triển liên tục từ cổ đại cho đến ngày nay” (Henri Maspero, 2000: 15). Do đó, khi người Hoa di cư sang Việt Nam nói chung, và đặc biệt là khu vực Bình Dương ngày nay, thì họ cũng mang theo các giá trị văn hóa tâm linh, bao gồm cả sinh hoạt tôn giáo lẫn tín ngưỡng, trong đó có Đạo giáo.

Hiện nay, nhìn chung Đạo giáo có hai tông phái lớn nổi bật và tiêu biểu là *Chính Nhất* và *Toàn Chân* (Nguyễn Duy Hinh, 2003: 260). Phái Chính Nhất được kế thừa từ Thiên Sư Đạo, vốn là Ngũ Đầu Mễ Đạo; người sáng lập Trương Đạo Lăng tự xưng là Thiên Sư, tạo thành một danh hiệu truyền cho các đời giáo chủ sau này nên dân gian gọi đây là Thiên Sư Đạo, thiết lập tổng đàn tại Long Hồ Sơn tại huyện Quý Khê, tỉnh Giang Tây. Đến năm 1304, đệ tam thập bát Trương Thiên Sư là Trương Dur Tài được vua Thành Tông phong là “Chính Nhất giáo chủ”; từ đó giáo phái này còn được gọi là Chính Nhất phái. Do đặc thù địa lí của tỉnh Giang Tây (nơi có ngọn Long Hồ Sơn) rất gần biên giới của tỉnh Phước Kiến, nên trong quá trình giao lưu tiếp biến văn hóa của hai khu vực, đặc biệt là ảnh hưởng của các cuộc khởi nghĩa từ những năm đầu thế kỉ II (khởi nghĩa “Hoàng Cân” - khăn vàng, một cách nói về Thái Bình Đạo của Trương Giác năm 181), mà Đạo giáo, đặc biệt là hệ phái Chính Nhất đã có tác động lớn đến hệ thống văn hóa tâm linh của người Phước Kiến. Để rồi từ đây, khi họ di cư sang Việt Nam, và đặc biệt là tỉnh Bình Dương, đã đem theo tâm thức Đạo giáo, như là “gốc rễ” của niềm tin, tuy ẩn sâu trong tâm thức dân gian, nhưng luôn tồn tại.

3.2. Khái quát về tín ngưỡng Ông Bồn của người Hoa ở Bình Dương

Trong văn hóa tâm linh của người Hoa nói chung, và đặc biệt là người Hoa Phước Kiến, thì tín ngưỡng thờ ông Bồn lại khá đa dạng và phức tạp, từ niềm tin và quan niệm riêng của mỗi họ tộc về đối tượng bảo hộ tâm linh cho cộng đồng của mình.

Về từ nguyên, “Bồn” (本) nghĩa là gốc, là vốn có của mình. Nên khi hiểu theo nghĩa rộng, Ông Bồn nói chung chỉ là một biểu tượng, mang tính ước lệ và có chức năng là một vị thần (hoặc tập hợp nhiều vị thần) chuyên trách bảo hộ cho một dòng họ hoặc trong khu vực có đa số thành viên dòng họ đó cư trú. Theo quan niệm này, nhiều người Hoa cho rằng Ông Bồn tức là “Phước Đức Chính Thần”, tức là vị Thần ban phúc đức (may mắn) cho mọi người trong khu vực. Bên cạnh đó, nếu hiểu theo nghĩa hẹp, thì Ông Bồn đồng thời là nhiều vị thần, tùy theo từng bang người Hoa, hay thậm chí cùng một nhóm ngôn ngữ nhưng khác vùng. Có thể kể ra sự dị biệt như:

- Người Hoa Phước Kiến ở Chợ Lớn, xem Ông Bồn là một vị Nhân Thần, xuất thân là một vị quan đời Nguyên, tên Châu Đạt Quan.

- Ở Bình Dương, người Hoa Phước Kiến lại có sự phân biệt Ông Bồn theo hai họ tộc lớn nhất ở đây là họ Vương và họ Lí:

Theo Vương tộc, Ông Bồn là Huyền Thiên Thượng Đế, với miếu thờ được xây vào năm 1885, gọi là Phước Võ Điện (福武殿), hiện tọa lạc tại khu phố 9, phường Chánh Nghĩa,

³ Lỗ Tấn khi trả lời Hứa Thọ Tường ngày 20/08/1918, dẫn lại theo Phan Ngọc. (2000). Đạo giáo. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*. số 3. 8-15.

thành phố Thủ Dầu Một. Đây là một trong những tín ngưỡng lâu đời trong văn hóa Trung Hoa, với nhiều thần tích. Tiêu biểu và phổ truyền đến từ bộ truyện “Bắc Du Chơn Võ”, trong đó mô tả ngài là một trong những hóa thân của Ngọc Hoàng Thượng Đế, xuống trần trừ gian diệt ác. Tuy nhiên, trong thần phả của Đạo giáo, mô tả ngài là hóa thân thứ 82 của Thái Thượng Lão Quân⁴. Theo đó, ngài thường hay giáng trần thưởng thiện phạt ác, phân định công tội⁵.

Theo Lí tộc, Ông Bồn của họ lại là một tập hợp Nhân Thần gồm bảy vị, gọi là Thất Phủ Đại Nhân, lấy họ làm tên gọi theo cách gọi trang trọng của người Hoa là (họ) Lục, Tiêu, Triệu, Chu, Quách, Châu và Lí, được lập miếu thờ vào năm 1882 gọi là Phước An miếu - 福安廟 (Phước An là tên ghép từ Phước Kiến và An Khuê, quê hương của những di dân), hiện tọa lạc tại khu dân cư Lò Chén (khu 7, phường Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một).

Như vậy, khái niệm Ông Bồn (hay Bồn Đầu Công, Bồn Công...), có thể hiểu là “vị thần của chúng tôi”. Khái niệm này tạm cho thấy sự đa dạng và linh hoạt của hình tượng Ông Bồn trong niềm tin; lại đồng thời cho thấy sự gắn bó mật thiết, giá trị riêng của vị thần đó, thông qua việc xác nhận “chủ quyền” bởi từ “của” – đồng thời coi vị thần đó như một giá trị tinh thần to lớn của cộng đồng. “Thờ Ông Bồn còn cho thấy, người Hoa đã xem Việt Nam là quê hương. Điều này chứng minh cho xu thế chuyển từ kiều dân Trung Hoa thành công dân Việt Nam” (Đặng Hoàng Lan, 2014: 90-97).

4. Đạo sĩ - nét đặc sắc trong lễ hội Ông Bồn tại Bình Dương

Nhìn chung, cấu trúc lễ hội Ông Bồn tại Bình Dương cũng tương tự như của người Hoa ở các vùng khác với hoạt động trọng tâm là lễ rước cộ tuần du Ông Bồn. Tuy nhiên, điểm đặc sắc của lễ hội nơi đây, là vai trò của Đạo sĩ, mà lễ hội Ông Bồn ở các vùng khác không có. Đạo sĩ là cách gọi chính thống của những người tu tập theo Đạo giáo nói chung; nhưng người Hoa ngầm hiểu và gọi Đạo sĩ theo cách phổ thông đại chúng từ chức năng nhiệm vụ của họ là Thầy cúng, tức là người giỏi (thầy) việc cúng; Pháp Sư hay Thầy Pháp là người giỏi về Pháp thuật (Đạo giáo); vì dù sao về bản chất các vị Đạo sĩ này không phải hoàn toàn “chính tông”.

Chức năng chính của lễ rước cộ Ông Bồn là thể hiện ở ngay tên gọi: đó là dùng kiệu rước Ông Bồn đi tuần du trong khu vực, với ý nghĩa là một cuộc vi hành của thần linh, vừa để trừ tà, vừa ban phúc lộc cho cộng đồng. Vì vậy, trọng tâm của buổi lễ, là việc “lắc kiệu” (ở một số địa phương còn gọi là “múa kiệu”): các kiệu phu sẽ rung, lắc kiệu rất mạnh, nhằm thể hiện sự “sống động” khi Ông Bồn ngự giá, đang trở thân oai để trấn áp tà ma. Ngoài ra, còn có nhiều hoạt động khác để tăng sự tương tác và lòng tin của tín đồ trong khu vực như: nhờ Đạo sĩ cúng và cầu nguyện cho các lễ phẩm riêng của gia đình đem tới dâng, “sên phép” trừ tà trấn trạch và khai quang thần tượng. Sên phép và khai quang là những hình thức Thiêng hóa: đối với vật phẩm như bùa (phù) thì dùng từ sên, còn với các tượng để người dân thỉnh về thờ (thường là các vị có sẵn hình tượng và phổ biến như Quan Thánh Đế Quân, Quán Âm, Thổ Địa...) thì Thầy Pháp sẽ khai quang điểm nhãn. Trong trường hợp này, Đạo sĩ đóng vai trò là cầu nối, trung gian giữa Phàm (người dân) và Thiêng (các Thần linh). Nếu Ông Bồn “về phần” ngự đàn, sẽ đích thân tác pháp.

⁴ Huyền Thiên Thượng Đế được gọi là Huyền Vũ (hay Võ), Chơn Vũ/Võ, theo đó, tại *Thái thượng thuyết chân võ diệu kinh chú* có nói (lược dịch): Huyền Vũ là Thủy Khí Tiên Thiên, hóa thân từ Ngũ Linh Huyền Lão, vốn cũng từ Nguyên Thủy ứng hóa. Vì Đạo lập công, được Ngọc Hoàng Thượng Đế gia phong hiệu là Huyền Đế. Sau gọi là Huyền Thiên Thượng Đế.

⁵ *Thái Thượng thuyết Chân Võ diệu kinh chú* có nói nhiệm vụ của ngài nơi hạ giới là khuyết thiện trừng ác, phạt chính trừ tà, khu yêu nhiếp độ.

Nguyên Thủy Thiên Tôn thuyết Bắc Phương Chơn Võ diệu kinh có mô tả vào ngày Giáp Tí, Canh Thân và ngày 07 tháng 03 (nông lịch), ngài sẽ xuống trần hoạch định tội phúc, định thọ mệnh cho hạ giới.

Với Ông Bồn họ Lí, tức Thất Phủ Đại Nhân, lễ hội khai mạc vào sáng sớm ngày 16 tháng Giêng, bằng nghi thức thỉnh Thần được thực hiện bởi Đạo sĩ họ Lí, tên là Lí Tịnh, nổi nghiệp từ ông Nội. “Thần” trong nghi thức này, là ngài Quán Thế Âm Bồ Tát, Quan Thánh Đế Quân, Hà Tiên Cô, Na Tra Tam Thái Tử và Bảo Sanh Đại Đế, vốn là những vị thần “cao cấp”, có quyền năng và pháp lực lớn trong tâm thức người dân. Tuy nhiên, những vị này lại ngự tại Bích Liên Đình⁶, một cơ sở thờ tự khác ở gần Phước An Miếu. Vì thế, Lí Đạo sĩ phải cúng trước ở nơi đây vào giờ Mão (6 giờ sáng), rồi sau đó cùng ban Hộ tự thỉnh tượng sang Phước An Miếu. Khi chư Thần đồng ngự, Lí Đạo sĩ bắt đầu tác pháp trước khi diễu hành.

Trình tự lễ hội được tóm tắt như sau:

- Lí Đạo sĩ mặc pháp phục màu đỏ, đây là một dạng áo lễ truyền thống của Đạo gia, cài khuy vải ở giữa, viền cổ áo kéo dài xuống hàng khuy màu đen, đầu đội nón đen với hình ảnh một búi tóc giả trên đỉnh (mô phỏng theo búi tóc của các Đạo sĩ thời xưa), chân mang hài đen. Đối chiếu với truyền thống Đạo giáo, loại áo này giống với “Sám Y”, nhưng tay áo may hẹp hơn; trong khi nón thì giống với “hỗn nguyên cân”, tượng trưng cho “hỗn nguyên nhất khí”.

- Đạo sĩ lần lượt thỉnh các “Đại Nhân” giáng đàn, rồi điều phối việc thỉnh tượng ra khỏi bệ thờ, kĩ lưỡng xem xét việc gia cố trên kiệu. Để tăng tính trang nghiêm, họ dùng giấy vàng và giấy bạc (kim phiến, ngân phiến) kê dưới chỗ ngồi và sau lưng tượng, rồi dùng dây vải màu vàng cột nhiều vòng.

- Sau đó, Đạo sĩ làm phép cho các lá bùa (phù lục - 符籙), rồi dán cho từng kiệu. Ý nghĩa là “thiêng hóa” chiếc kiệu, vốn là một vật dụng bình thường, nay trở thành đồ dùng “chuyên dụng” của thần linh, và có như vậy, người phàm (các người phu kiệu) mới có thể nghênh ông và thực hiện việc “lắc kiệu” được thuận lợi.

- Khoảng 7-8 giờ (giờ Thìn), đoàn bắt đầu diễu hành. Tới mỗi điểm có bày lễ phẩm nghênh Ông, đội múa lót, tiên phong bởi Hầu, vai trò là linh vật trừ tà, nối đuôi nhau chạy quanh bàn cúng ba vòng để tịnh đàn, tức là xua đuổi uế khí, tà khí, chương khí. Với Lí tộc, họ quan niệm Ông Bồn vốn là người phàm, nên lễ phẩm có đồ mặn như heo, gà, vịt... bên cạnh các món ăn đặc trưng của người Hoa như các loại đồ khô (mì, miến, nấm...), bánh tổ, bánh bông lan và đồ mã.

- Lúc này đoàn kiệu Ông xếp thành hai hàng, chừa lối cho Thầy Pháp tiến vào, niệm chú, đọc kinh, hành “nhiều tràng tam chu” (tức là đi vòng quanh bàn cúng ba vòng, một nghi thức của Đạo giáo) để tịnh đàn, rồi thay mặt gia chủ chuyển lời cầu nguyện đến cho Chư Thần đang ngự trên kiệu. Trong lúc này, đoàn rước liên tục làm các động tác “lắc kiệu”, “múa kiệu”, rất mạnh mẽ, thể hiện uy nghi và hài lòng của Chư Thần, cũng là một dạng minh chứng cho gia chủ đã hết lòng thành kính cung nghênh.

- Khi tất cả kiệu đã được múa xong, tức là Chư Thần đã chứng lễ, đoàn rước sẽ đặt các kiệu thành hàng dọc ngay ngắn trước điểm cúng cho đến khi Pháp Sư hoàn đàn (kết thúc nghi lễ), thì đoàn mới khởi hành qua điểm khác.

- Hoàn tất lộ trình, đoàn rước trở lại Phước An Miếu, thực hiện nghi thức “nhiều tràng”, 3 vòng thuận chiều kim đồng hồ - thể hiện chiều Dương, rồi đến 3 vòng ngược chiều kim đồng hồ, thể hiện chiều Âm. Mỗi vòng tượng trưng cho 1 hào trong quẻ dịch, hợp lại thành quẻ “Địa Thiên Thái” theo Kinh Dịch. Tượng quẻ là trời đất giao hòa, là biểu trưng của sự ấm no thịnh vượng.

Trước đây, trong lộ trình diễu hành, có một điểm dừng đặc biệt là Linh Không Đàn, hiện tọa lạc tại số 294 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Phú Cường, Thủ Dầu Một,

⁶ Bích Liên Đình do người Hoa của ba bang là Triều Châu, Quảng Đông và Phước Kiến đồng lập vào năm 1945.

Bình Dương. Nơi đây có tên gọi khác là chùa Tề Thiên, vì đầu tiên là miếu thờ ngài Tề Thiên Đại Thánh. Tuy nhiên, theo cổ tích mà các vị cao niên kể lại, sau một lần ngài Tề Thiên hiển linh, thể hiện sự bất đồng với ngài Na Tra (vốn được thờ bởi họ Lí lẫn họ Vương) vào khoảng 20 năm trước, thì Thất Phủ Đại Nhân không còn “trình diện” Tề Thiên Đại Thánh trong các cuộc tuần du nữa.

Với Ông Bồn của họ Vương, tuy cùng là Huyền Thiên Thượng Đế với ngày lễ vào hai ngày 24 và 25 tháng Hai nông lịch (chính lễ) và kéo dài đến hết ngày 27, với bốn miếu thờ, lần lượt là *Phước Võ Điện* là nơi thờ Huyền Thiên Thượng Đế đầu tiên và lâu đời nhất tại Bình Dương, được trùng tu lại vào năm 2003. *Phước Nghĩa Đường* (福義堂) *Phước Thọ Đường* (福壽堂) *Phước Nghĩa Đường* (Tân Khánh) Theo trình tự liệt kê như trên, mỗi năm một miếu sẽ đăng cai tổ chức lễ nghênh Ông, nên cứ bốn năm mới đáo lệ trở lại nơi đầu tiên. Mỗi khi tới lượt miếu nào tổ chức, thì các miếu khác sẽ tập trung về nơi đó cúng bái.

Ngày 24 tháng Hai âm lịch, là ngày “đón tiếp quan khách”, mở đầu bằng nghi lễ tảo đàn và tịnh đàn bởi Pháp sư họ Vương và đội Hầu. Vương Pháp Sư hiện nay tên là Sáng, cũng là đời thứ 3 giữ vai trò này trong dòng tộc. Về lễ phục, hai vị đều phục sức giống nhau, từ cân, y, hài đến các pháp khí sử dụng cũng như quy trình sử dụng các loại chú ngữ, kinh văn... Điểm khác duy nhất, là Vương Pháp Sư còn kiêm thêm nhiệm vụ là một “xác Ông”, và hiện cũng là “xác Ông” duy nhất còn lại trong khu vực, cho cả Ông Bồn của họ Lí lẫn họ Vương.

“Xác Ông” hay “cốt Ông” là từ dùng để chỉ những người có khả năng đặc biệt, được lựa chọn và đồng thuận để trải qua một quá trình huấn luyện nhằm có thể đạt được vai trò là phương tiện để các đấng Thiêng giáng ngự, thị hiện sự “màu nhiệm”. Hiện tượng này có trong hầu hết các thiết chế tâm linh với các cách gọi khác nhau. Khi đấng Thiêng giáng ngự, trong lễ hội này là Ông Bồn, các xác phàm thể hiện những khả năng phi thường như: dùng một hay nhiều thanh sắt dài, nhọn xuyên qua hai bên má, hoặc lưỡi, hoặc có khi là vai... được gọi là Xiên linh; hoặc thể hiện khả năng “đao thương bất nhập” của Thần Tiên như lấy chùy gai nhọn tự đánh vào cơ thể, ung dung ngồi trên bàn chông, hai tay và lưng tựa vào các lưỡi dao sắc nhọn... Trước đây, khi Ông “về phần”⁷, còn có tục “lấy dấu mặt”, tức là tự dùng dao sắc rạch lưỡi, lấy máu hòa với nước họa phù (bùa), rồi phân phát cho đại chúng, hoặc treo, dán trước nhà để bảo hộ môn trạch, hoặc đem theo trong người bảo mệnh hộ thân.

Trước đây có tổng cộng năm người làm nhiệm vụ là “Xác Ông”, phục vụ Lí tộc và Vương tộc, nhưng hiện chỉ còn Vương Đạo sĩ, ông được Na Tra Tam Thái Tử lựa chọn, nên thường nhật, mọi người vẫn gọi ông là “cốt Na Tra”.

Trình tự lễ hội được tóm tắt như sau:

- Vào giờ Tí (0 giờ) ngày 25 tháng Hai, Vương Đạo sĩ thực hiện đại lễ Khai đàn, đọc kinh cầu nguyện và thỉnh Chư Thiên giáng lâm. Cùng với nghi thức này, là các nghệ sĩ hóa trang thành Bát Tiên (tám vị tiên trong thần thoại Trung Hoa), tiến vào chính điện dâng hương, trước là xin phép khai lễ, sau là cầu nguyện cho bá tánh. Sau đó, Vương Pháp Sư thổi tù và, thực hiện nghi thức nghinh Huyền Thiên Thượng Đế xuất điện ngự giá tuần du. Có tất cả 4 kiệu: kiệu thứ nhất rước tượng Huyền Võ mặt màu hồng, còn gọi là Thượng Đế Văn; kiệu thứ nhì rước tượng Huyền Võ mặt màu vàng, còn gọi là Thượng Đế Võ; kiệu thứ ba rước tượng Nam Triều Đại Đế, và cuối cùng là Quán Âm Bồ Tát Đoàn điều hành cũng đi theo một lộ trình có sẵn, tuy nhiên đoàn linh vật chỉ múa ở những điểm bày sẵn hương án ngoài đường, và vẫn có “múa kiệu”. Khi kiệu ngừng, mọi người xúm lại cảm

⁷ Trong bài, chúng tôi chọn sử dụng thuật ngữ “Về phần”, không dùng khái niệm “nhập xác”, vì chúng tôi cho rằng nhập xác để chỉ cho các thể lực xấu tá vào một người; còn từ “về phần” là để chỉ cho các vị Thần, Thánh, Bồ tát, Phật....

Đối chiếu với bản dịch Hoa Ngữ, có thể biết được trình tự cử hành Đại lễ Huyền Võ có truyền thống từ Huyền Thiên Điện, huyện An Khê (tỉnh Phước Kiến) từ năm Bính Dần 1926, và được sao lục truyền bá bởi một Đạo sĩ họ Vương, theo hệ phái này, được gọi là Chơn Võ Đạo sĩ, tên Vương Đại Cảnh. Theo đó, vai trò của Đạo sĩ trong lễ Ông Bốn là rất quan trọng và được quy định rất chi tiết, đặc biệt là Đạo sĩ phải tự mình trai giới trước đó 3 ngày để tập trung hóa các phù quan trọng.

Chúng tôi không tìm thấy sự đối ứng trình tự thực hiện của Đạo sĩ Vương Đại Cảnh trong hệ thống *Đạo Tạng kinh* của Đạo giáo. Tuy nhiên, nếu phân nhỏ, như *Khai Quang tẩu chương* tuy có biến đổi một số chữ và câu hiệu, nhưng có sự tương đồng nhiều hơn với hệ phái Thần Tiêu, cũng được nhiều người coi là Chính Nhất phái nhưng lưu truyền trong dân gian. Ngoài ra khi phỏng vấn Đạo sĩ Vương Sáng về các pháp khí mà ông được truyền thừa, có nhiều nét tương đồng của một cuốn sách Đạo giáo lưu truyền trong dân gian là “Thần Tiêu Ngọc Cách Công Văn” - 神霄玉格攻文, gồm có: Ngũ Lôi hiệu lệnh (五雷號令), Thiên Bồng thần xích (天蓬神尺); Chính Nhất trảm tà kiếm (正一斬邪劍). Ngoài ra, Vương Đạo sĩ còn có thêm một sợi dây trù tà, được gọi là Mãng Xà Tiên, được cho là hóa thân của Thần Xà, một tùy tướng của Huyền Thiên Thượng Đế. Vật phẩm này Lí Đạo sĩ không có. So ra, các hoạt động tâm linh của Vương Đạo sĩ khi hành pháp có tính hệ thống hơn, chuẩn mực hơn, đặc biệt ở việc luôn có tẩu chương; cùng với đó là trình tự tác pháp cũng quy củ và chặt chẽ, như khi nhập đàn có sử dụng “Đạo giáo bát đại thần chú - 道教八大神咒” (tám thần chú quan trọng nhất của Đạo giáo).

Trong khi đó, các quy trình tác pháp của Lí Đạo sĩ có phần đơn giản hơn, chú trọng về kinh văn hơn, đặc biệt là kinh của Quán Thế Âm Bồ Tát, Quan Thánh Đế Quân cùng một số vị “Thần cao cấp” khác. Theo chúng tôi lí do dẫn đến sự lược bỏ những nét bản sắc văn hóa Đạo giáo trong nghi lễ của Lí tộc là vì Thất Phủ Đại Nhân không nằm trong hệ thống Thần Phủ Đạo giáo, nên không thể áp dụng một chuẩn mực từ bộ “Uy nghi” (“Uy Nghi” là tên gọi bộ sách thuộc hệ thống *Đạo Tạng kinh*, quy định về nghi lễ trong Đạo giáo), vào nghi lễ được. Vì vậy cần phải “vay mượn” và biến tấu các nghi thức khác từ dân gian cho phù hợp với thực tế. Và đó là sự hỗn dung của Tam Giáo vốn từ lâu cùng hòa vào nhau

theo thuyết *Tam Giáo Đồng Nguyên*. Đó cũng là nguyên nhân vì sao phải “thỉnh” Quán Âm cùng chư vị Phật, Thánh Tiên tại Bích Liên Đình về Phước An Miếu.

Theo ghi chú, hình 2 chụp vào năm Dân Quốc thứ 65 (Bính Thìn - 1976), tháng 8 (trung thu tiết), vào dịp sinh nhật Thất Phủ Đại Nhân với dòng ghi chú cuối, thể hiện sự hiển linh của các “xác Ông” là có sự “chỉ thị” của chư Phật và Bồ Tát từ Bích Liên Đình: “Bích Liên Đình Quán Âm Phật Tổ giáng kê xuất đàn chủ trì chỉ thị”. Tuy nhiên, vì chữ Hán phồn thể không có dấu câu, nên có thể giải thích theo 2 ý: một là Quán Âm Phật Tổ (là một vị) tại Bích Liên Đình giáng đàn chỉ thị; hai là (chư vị tại) Bích Liên Đình, (cùng) Quán Âm, (và) Phật Tổ chỉ thị. Nhưng tại Bích Liên Đình chỉ có thờ Quán Âm, vậy Phật Tổ trong trường hợp này từ đâu giáng?



Hình 2: ảnh chụp nghi thức ngồi ghế chông, xiên linh của một "xác Ông".

Theo khảo sát điền dã của chúng tôi, Phước An Miếu có sự liên kết nhất định về tính Thiêng với Linh Không Đàn, thông qua việc nơi này đã từng là một địa điểm trong cuộc tuần du của Ông Bồn, và nơi đây có phối thờ Tam Thế Phật.

Theo ý kiến của Huỳnh Ngọc Đáng (Huỳnh Ngọc Đáng, 2010: 660), Linh Không Đàn nguyên là xưởng làm nhang của ông Lâm Vũ Hiệp. Ông được Tề Thiên báo mộng nên lập miếu thờ tại đây vào những năm 1957. Về sau sự tín ngưỡng của dân trong vùng ngày càng nhiều, nên ông đã hiến cả ngôi đất để cất chùa vào năm 1960. Trở thành Chùa với trụ trì, kiêm Chương ban Hộ tự đầu tiên là ông Trần Học Như, nhưng nơi đây vẫn mang tính dân gian. Khi ông Như qua đời năm 1968, Chùa hoàn toàn theo Phật giáo, thuộc Tịnh Độ Tông. Từ những năm 1980, được trùng tu và phối thờ nhiều yếu tố Phật giáo đặc trưng như Tam Thế Phật, Tề Công và đặc biệt là Lí Thiết Quả... Tuy nhiên khi khảo sát thực tế, chúng tôi tìm thấy mối liên hệ với tín ngưỡng ông Bồn, cũng như những dị biệt so với nghiên cứu của Huỳnh Ngọc Đáng từ bức di ảnh ngài Trần Học Như như sau.

Hình 3: ảnh thờ Đạo trưởng Trần Học Như (Đặng Hoàng Lan, 2023)



Phía dưới di ảnh của ngài Trần Học Như, có một bài kệ giới thiệu, tựa là “Thủ sáng đàn tràng tự”. Theo đó, nơi này là sự hỗn dung của Chùa (“Tự”) và nơi tổ chức các nghi thức theo Đạo giáo dân gian khác (“Đàn tràng”). Theo đó, Linh Không đàn được ngài Trần Học Như sáng lập vào năm Quý Mão 1963, và đây là nơi Tam Thánh cùng Bồng Lai chư Tiên thường xuyên giáng đàn để cứu trợ dân chúng. Về hình thức, “giáng đàn” cũng là hình thức “thông công” hay “thông linh” với thế giới Thiêng, tương tự như “nhập xác”. Tổ chức của một “đàn tiên” nằm ở phía sau chính điện tại Linh Không Đàn. Nơi đây còn hợp thờ Diêu Trì Kim Mẫu, Địa Tạng Vương Bồ Tát, Quan Thánh Đế Quân, Na Tra Tam Thái Tử, và đặc biệt là Lí Thiết Quả. Đây là một vị trong Bát Tiên, được cho là hóa thân thành Lí Đạo Minh, thường cứu thế độ dân. Các cổ tích về tám vị tiên này rải rác từ đời Đường, nhưng được định hình rõ hơn vào đời nhà Minh với tác phẩm *Bát tiên xuất xứ đông du kí* của Ngô Nguyên Thái. Trên hệ thống phù trần trạch phát cho người dân, chỉ có danh hiệu của ba vị chính là Tề Thiên Đại Thánh, Quan Thánh Đế Quân và Đạo Minh Tiên Sư.

Theo chúng tôi, giả thiết lí do kết nối Phước An miếu với Linh Không Đàn đến từ tám phù trần trạch và đó cũng là lí do gián tiếp cắt đứt mối “giao tình” thiêng liêng.

Trước hết, do thiếu đi sự “chính thống”, vì Thất Phủ Đại Nhân không thuộc hệ thống Thần phả Đạo giáo như Huyền Thiên Thượng Đế, mà theo xu hướng phát triển, Lí tộc tìm thêm các giá trị văn hóa tâm linh dân gian khác để kết hợp, củng cố cho “thực lực” của mình.

Và họ thấy tín ngưỡng thờ Đạo Minh Tiên Sư lúc này có một giá trị lớn: họ ngầm chấp nhận Đạo Minh Tiên Sư, là Lí Đạo Minh, cũng là người cùng họ, và có chức năng như Ông Bồn. Hiện tượng này đã có tiền lệ vào thời Đường, với vị Hoàng Đế là Đường Thái Tông, thế danh là Lí Thế Dân (李世民): khi lên ngôi, ông suy tôn Lão Tử (trong Đạo giáo được cho là hóa thân của Thái Thượng Lão Quân) trở thành thủy tổ của mình, vì tương truyền lúc sinh thời, Lão Tử họ Lí, tên Nhĩ. Trong trường hợp Lí tộc tại Bình Dương, với bối cảnh lịch sử nhiều hoạt động “cầu đàn tiên” và tầm ảnh hưởng của tín ngưỡng Lí Đạo Minh Tiên Sư, thông qua một giai đoạn nhiều năm liền cuộc tuần du của Ông Bồn đều có ghé Linh Không Đàn, chúng ta có thể thấy ẩn chứa đằng sau mỗi liên kết tinh thần này.

Hoạt động “liên giao” sau đó thưa dần và sau năm 1975 thì dứt hẳn. Lí do của việc này có cả chủ quan lẫn khách quan như sau:

- Một là, các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng bị hạn chế tại Bình Dương ở một số năm đầu sau giải phóng.

- Hai là, khi ngài Trần Học Như liễu đạo, Linh Không Đàn mang tính Phật giáo nhiều hơn, nên các hoạt động liên kết với tín ngưỡng và lễ hội dân gian giảm dần rồi dứt hẳn. Kể cả hoạt động “đàn tiên” ở chùa cũng chấm dứt. Không còn yếu tố Thiêng tương tự, lòng tin cũng dần khác biệt.

- Ba là, theo lời kể của Vương Đạo sĩ, một lần tới miếu ông Tề (Linh Không Đàn), ngài Na Tra nhập xác và nói có bất đồng với ông Tề, nên từ sau đó đoàn diễu hành không nơi đây nữa. Tuy nhiên, theo chúng tôi, câu chuyện trên chỉ là để che phủ vấn đề xung đột về “chức năng tâm linh”, hay đằng sau đó là “lợi ích” từ tâm linh giữa Linh Không Đàn và Phước An Miếu. Nếu lấy nhu cầu của đại chúng mà xét, thì liệu có cần thiết phải có cả phù tại hai nơi để trấn nhà hay không? Vì chúng đều giống nhau về mặt chức năng. Với Ông Bồn, chung cho cả họ Vương lẫn họ Lí đều có 2 loại bùa phát cho dân treo trước cửa, hoặc bỏ theo người cầu bình an. Một có màu vàng, thuộc nhóm “phù triện”, trên có chữ “Án”, dưới có họa hình bát quái tiên thiên, cùng chữ “Sắc lệnh” thảo thư và hình Na Tra được đóng ấn Thái Thượng Lão Quân. Loại kia giấy màu đỏ, thuộc nhóm “phù văn”, với chữ “Sắc phong Bảo Sanh Đại Đế an trấn”. Bên cạnh đó, theo tâm thức mới, người ta cho rằng hiện tượng này là Thất Phủ Đại Nhân “thấp” hơn các vị tại Linh Không Đàn, vì ngài khi đi tuần du phải qua đây trình. Cho nên, chúng tôi cho rằng, các vị trong ban Hộ tự cũng đọc được quan điểm này, vì thế bãi Linh Không Đàn khỏi điểm tuần du của lễ hội Ông Bồn.

Như vậy, trong vai trò của Lí Đạo sĩ trong trường hợp này, tạo nên mối liên hệ mang tính không gian nhiều hơn: từ Phước An miếu tới các cơ sở thờ tự khác xung quanh. Tuy nhiên, mối liên kết này, kém ổn định hơn so với mối liên kết từ truyền thống đến hiện tại, từ phong tục nơi có hương đến nơi định cư mới của Vương tộc.

5. Kết luận

Thông qua lễ hội và các hoạt động trong lễ hội ông Bồn tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cho thấy vai trò và tầm quan trọng của Đạo sĩ trong tín ngưỡng Ông Bồn nơi đây. Từ những trình bày trên, chúng ta có thể đi đến kết luận sơ bộ rằng yếu tố Đạo giáo nơi đây rất đậm nét, thậm chí trở thành một nét bản sắc văn hóa tâm linh của người Hoa Phước Kiến tại Bình Dương. Có được giá trị văn hóa này, một phần do sự “khuyếch tán văn hóa”, từ nơi có nồng độ cao hơn là Long Hồ Sơn của Chính Nhất Đạo, đến với

vùng Phước Kiến, nói chung có nhiều thuận lợi của bối cảnh lịch sử (vị trí địa lý tương đối gần so với các vùng khác, các cuộc hoằng dương Đạo giáo chủ động của các Đạo sĩ nổi tiếng trong nhiều giai đoạn lịch sử); mặt khác đến tự việc tiếp tục kế thừa và phát huy các giá trị Thiêng vốn có trong tâm thức và truyền thống của dân tộc (trong trường hợp này là những người họ Vương ở An Khuê Phước Kiến luôn giữ gìn quy tắc thực hiện nghi lễ cúng Ông Bồn của mình, rồi tiếp tục bảo tồn và phát huy tại vùng đất Bình Dương trong bối cảnh văn hóa mới). Từ đó cho thấy vai trò không thể thiếu của các Đạo sĩ trong lễ hội Ông Bồn tại địa phương.

So với lễ hội Ông Bồn của người Hoa ở các khu vực khác của Nam Bộ, thì xuất hiện 2 dạng thức, một dạng là tại lễ hội không có sự xuất hiện của “xác Ông” như: Thành phố Hồ Chí Minh, Vĩnh Long, Cần Thơ,... dạng còn lại là có sự xuất “xác Ông” hiện như Trà Vinh, Sóc Trăng, An Giang,... tuy nhiên chỉ có “xác Ông” mà không có vai trò của Pháp sư, thế vì vị thế của “xác Ông” có phần quan trọng hơn. Vì, “hạt nhân” của lễ hội Ông Bồn chính là hoạt động thể hiện sự Linh Hiển (hierophany): từ một người bình thường, nay có những trạng thái tinh thần đặc biệt, thể hiện những năng lực đặc biệt - mang một giá trị thiêng đặc biệt. Cho nên, vai trò của người nhận nhiệm vụ làm “cốt Ông” là rất ý nghĩa và không thể thiếu với cộng đồng. Tuy nhiên, theo khảo sát của chúng tôi, tâm thức của cộng đồng cư dân tại Bình Dương lại thiên vị vai trò của các Đạo sĩ hơn, vì đơn giản là những phương thức tạo ra giá trị Thiêng theo nhu cầu của đại chúng thì Đạo sĩ cũng làm được, mà chủ động hơn, tức là gần như lúc nào cần thì đều có thể thực hiện được. Ngược lại, trông đợi Ông Bồn về phần thì lại bị động, và không cố định thời gian, vì không phải lễ hội nào các vị cũng ngự. Thêm vào đó, họ cho rằng việc làm “xác Ông” là phải tùy căn số, tức lại phải bị động để Ông lựa chọn, trong khi Đạo sĩ có bài bản, nếu muốn, có thể chủ động học được. Do đó, việc đắc đạo trong tương lai, chỉ là vấn đề kỹ thuật. Quan trọng không kém đó là lý do kinh tế: “xác Ông” không được trả công cho các hoạt động tâm linh như họa phù, khai quang... vì lúc đó là Ông Bồn làm việc, và Ông thì không cần tiền. Thế nhưng đối với các Đạo sĩ thì không như vậy. Việc cậy nhờ các Đạo sĩ thực hiện cúng theo yêu cầu chẳng hạn, cần tốn chi phí nhất định.

Cho nên, theo chúng tôi, nếu như trong tương lai tình trạng các mối liên hệ cũng như tầm ảnh hưởng và vai trò của các Đạo sĩ không thay đổi, thì tầm ảnh hưởng và giá trị Thiêng của Ông Bồn, cùng với đó là các “Xác Ông” sẽ giảm dần trong tâm thức cộng đồng, của cả người Hoa Phước Kiến lẫn người Việt đang ngày một nhiều hơn trong khu vực.

Tài liệu tham khảo

- Đặng Hoàng Lan. (2014). Quá trình chuyển hóa thờ cúng Ông Bồn của người Hoa ở Nam Bộ. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*. Số 12.
- Henri Maspero. (2000). *Đạo Giáo và các tôn giáo Trung Quốc (Lê Diên, dịch)*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Huỳnh Ngọc Đáng. (2010). *Đề tài nghiên cứu khoa học: Người Hoa ở Bình Dương - Lịch sử và hiện trạng*. Hội Khoa học Lịch sử Bình Dương.
- Kazuhiko Onishi. (2008). Bàn về sự truyền bá của giáo phái Chính Nhất Đạo giáo sang Việt Nam. *Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ 3 (12/2008)*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Duy Hinh. (2003). *Người Việt Nam với Đạo giáo*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Nguyễn Nghị. (2007). *Lịch sử Gia Định - Sài Gòn thời kỳ 1862-1945*. Nxb. Tổng Hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Phan Ngọc. (2000). Đạo giáo. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*. Số 3.
- Tổng cục Thống kê. (2020). *Kết quả toàn bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*. Nxb. Thống kê.
- Vương Hồng Sển. (1997). *Sài Gòn năm xưa*. Nxb. Hồ Chí Minh.